

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **113/2021/HS-PT**
Ngày: 19-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hương.

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thu Minh.

Bà Đinh Thị Kiều Lương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phan Hoàng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 04 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 23/2021/TLPT-HS ngày 15 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo Bùi Thị Kim L và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 618/2020/HS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1/ Họ và tên: Bùi Thị Kim L, Tên gọi khác: Không, sinh năm 1980

Nơi ĐKNKTT: 292, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Như trên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 06/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Họ tên cha: Bùi Văn Tư, sinh năm 1955; Họ tên mẹ: Trương Thị T, sinh năm 1955; Họ tên chồng: Võ Thành G, sinh năm 1978. Bị cáo có hai con, sinh năm 2000 và năm 2003.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt từ ngày 13/4/2020 đến ngày 21/4/2020 được tại ngoại. Hiện bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B (bị bắt lại ngày 16/02/2021).

2/ Họ và tên: Trương Văn B, Tên gọi khác: Không, sinh năm 1968

Nơi ĐKNKTT: 3/5, Bùi Thị Xuân, khu phố Tân Phú 2, phường T, thành phố D, Bình Dương.

Chỗ ở hiện nay: Như trên

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 09/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Họ tên cha: Trương Văn H (đã chết); Họ tên mẹ: Lê Thị Đ (đã chết); Họ tên vợ: Trần Thị P, sinh năm 1968. Bị cáo có hai con, sinh năm 1991 và năm 1999.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 17/8/2017 bị Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương xử phạt 12.000.000đ về tội “Đánh bạc”. Bị cáo chấp hành xong bản án ngày 20/4/2020.

Bị bắt từ ngày 13/4/2020 đến ngày 21/4/2020 được tại ngoại. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3/ Họ và tên: Ngô Văn T, Tên gọi khác: Tám tàng, sinh năm 1972.

Nơi ĐKNKTT: 31/6, khu phố Tân Phú 2, phường T, thành phố D, Bình Dương.

Chỗ ở hiện nay: Như trên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Họ tên cha: Ngô Văn Đ, sinh năm 1936; Họ tên mẹ: Bùi Thị N, sinh năm 1942 (đã chết); Họ tên vợ: Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1984. Bị cáo có 01 con sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 30/8/2018, bị Công an thành phố B xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đ về hành vi “Đánh bạc”.

Bị bắt từ ngày 13/4/2020 đến ngày 21/4/2020 được tại ngoại. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

4/ Họ và tên: Võ Thị M, Tên gọi khác: Không; sinh năm 1973.

Nơi ĐKNKTT: Tổ 3, khu phố Vĩnh Phước, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Chỗ ở hiện nay: Như trên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 09/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Họ tên cha: Võ Văn X, không rõ năm sinh (đã chết); Họ tên mẹ: Quách Thị M, sinh năm 1944; Họ tên chồng: Lâm Văn C, sinh năm 1973, bị cáo có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt từ ngày 13/4/2020 đến ngày 21/4/2020 được tại ngoại. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

5/ Họ và tên: Nguyễn Thành H, Tên gọi khác: Không, sinh năm 1999.

Nơi ĐKNKTT: 53/41, đường 30/4, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

Chỗ ở hiện nay: Khu phố Tân Thắng, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 05/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên cha: Nguyễn Thành N (đã chết); Họ tên mẹ: Võ Thị V, sinh năm 1976; Họ tên vợ: Lê Ngọc T, sinh năm 2000, bị cáo có hai con sinh năm 2017 và sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt từ ngày 13/4/2020 đến ngày 21/4/2020 được tại ngoại. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

6/Họ và tên: Nguyễn Thị L1; Tên gọi khác: Không; sinh năm 1977.

Nơi ĐKNKTT: Tổ 2, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Chỗ ở hiện nay: Thuê trọ khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 06/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Họ tên cha: Nguyễn Văn H, sinh năm 1935; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1938; Họ tên chồng (đã ly hôn): Đào Hữu H, sinh năm 1970. Bị cáo có 02 con, sinh năm 1994 và năm 2001.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt từ ngày 13/4/2020 đến ngày 21/4/2020 được tại ngoại. Hiện bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Nhà tạm giữ Công an huyện V (bị bắt lại ngày 07/12/2020).

7/ Họ và tên: Nguyễn Văn Hoài T1, Tên gọi khác: Không, sinh năm 1978.

Nơi ĐKNKTT: Tổ 3, khu phố Tân Mỹ, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Chỗ ở hiện nay: Như trên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 09/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Họ tên cha: Nguyễn Văn B, sinh năm 1952; Họ tên mẹ: Lê Thị M, sinh năm 1957; Họ tên vợ: Vũ Thị H, sinh năm 1977; Bị cáo có 03 con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt từ ngày 13/4/2020 đến ngày 21/4/2020 được tại ngoại. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

8/ Họ và tên: Bùi Ngọc L2; Tên gọi khác: Mỹ đen, sinh năm 1975, tại Bình Dương.

Nơi ĐKNKTT: 29/2A, khu phố Tân Phú 2, phường T, thành phố D, Bình Dương.

Chỗ ở hiện nay: Như trên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 07/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Họ tên cha: Bùi Văn X, sinh năm 1947; Họ tên mẹ: Hồ Thị Đ, sinh năm 1947; Họ tên vợ (đã ly hôn): Nguyễn T1 T, sinh năm 1979; Bị cáo có 02 con sinh năm 1998 và năm 2002.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 16/5/2017, bị Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ và phạt tiền 12.000.000đ. Bị cáo chấp hành xong bản án ngày 01/9/2018.

Bị bắt từ ngày 13/4/2020 đến ngày 21/4/2020 được tại ngoại. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

9/ Họ và tên: Nguyễn Thị Mộng L3; Tên gọi khác: Không; sinh năm 1982.

Nơi ĐKNKTT: Số 188, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 40, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 01/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Họ tên cha: Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1961; Họ tên mẹ: Bùi Thị T, sinh năm 1961; Họ tên chồng: Trần Đức H, sinh năm 1983. Bị cáo có 02 con, sinh năm 2009 và năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 13/4/2020 đến ngày 21/4/2020 được tại ngoại. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Ngoài ra còn có bị cáo khác không có kháng cáo và không bị kháng nghị ; Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 12/4/2020, tại nhà không số thuộc tổ 40, khu phố 4, phường T, thành phố B do Nguyễn Thị Mộng L3 làm chủ. L3 đồng ý cho Bùi Thị Kim L (chị họ L3) thuê địa điểm trên để cùng với Trương Văn B, Nguyễn Thành H, Bùi Ngọc L2, Ngô Văn T, Nguyễn Văn Hoài T1, Nguyễn Thị L1, Võ Thị M, Mai Thị L4 và một số đối tượng (chưa rõ lai lịch) đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức lắc “Tài xỉu” để L3 thu tiền thuê địa điểm. (Nguyễn Thị Mộng L3 sau được số tiền 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng). L sử dụng điện thoại số 0966252147 gọi điện L1 lạc với Trương Văn B, Bùi Ngọc L2, Ngô Văn T, Nguyễn Văn Hoài T1 và Mai Thị L4 đến nhà của L3 để tham gia đánh bạc, Mai Thị L4 gọi điện thoại rủ chị Võ Thị M, một số đối tượng khác biết tại nhà L3 có đánh bạc nên đã rủ nhau đến cùng tham gia đánh bạc.

Cách thức đánh bạc như sau: Một bộ Tài – Xỉu gồm 01 chén, 01 đĩa và 03 hột xí ngầu có 06 mặt, trên các mặt có các nút tương đương với các số từ 01 đến 06. Trên chiếu bạc làm bằng tấm bìa giấy được chia làm 02 phần “Tài” và “Xỉu”. Người làm cái sẽ bỏ 03 hột xí ngầu vào đĩa, úp chén lên đĩa, cầm xóc lên xuống nhiều lần rồi đặt xuống. Người chơi tự đặt tiền vào phần “Tài” hoặc phần “Xỉu” trên chiếu bạc, để thắng thua trực tiếp với người làm cái. Khi mở chén ra, nếu mặt trên của 03 hột xí ngầu có các nút cộng lại được tổng số từ 10 điểm trở xuống thì gọi là “Xỉu”, người làm cái sẽ thắng số tiền bên “Tài” và thua số tiền bên “Xỉu”; nếu tổng số các nút cộng lại được 11 điểm trở lên thì gọi là “Tài”,

người làm cái sẽ thắng số tiền bên “Xiu” và thua số tiền bên “Tài”. Nếu mặt trên của 03 hột xí ngẫu có các nút giống nhau cộng lại được tổng số từ 10 điểm trở xuống thì gọi là “Bão Xiu”, người làm cái sẽ thắng số tiền bên “Tài” và hòa với người đặt tiền bên “Xiu”; ngược lại nếu tổng số các nút cộng lại được 11 điểm trở lên thì gọi là “Bão Tài”, người làm cái sẽ thắng số tiền bên “Xiu” và hòa với người đặt tiền bên “Tài”.

Với cách thức như trên, B, L, H, Ngọc L2, T, T1, L1, M, Thị L4 và một số đối tượng (chưa rõ lai lịch) thực hiện hành vi đánh bạc với số tiền dùng vào việc đánh bạc cụ thể như sau:

- Trương Văn B: Tham gia đánh bạc từ 11 giờ ngày 12/4/2020 và sử dụng 5.300.000đ (Năm triệu ba trăm nghìn đồng) đánh bạc. B cầm cái đến 17 giờ cùng ngày thì thắng được 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) và chuyển lại cho L cầm cái. Do B có việc bận nên nghỉ chơi và về nhà. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, B quay lại sòng bạc và sử dụng 9.400.000đ (Chín triệu bốn trăm nghìn đồng) đánh bạc thắng, thua trực tiếp với L đến khi bị bắt quả tang. Khi bị bắt, thu giữ trên người B số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sử dụng vào việc đánh bạc.

- Bùi Thị Kim L: Tham gia đánh bạc từ 11 giờ ngày 12/4/2020 và sử dụng 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) để đánh bạc, đến 17 giờ cùng ngày thì thay B làm cái thắng thua với những người tham gia đánh bạc. L làm cái L1 tục từ 17 giờ cùng ngày đến khi bị bắt quả tang. Khi bị bắt, toàn bộ số tiền sử dụng đánh bạc của L đã vút hết vào chiếu bạc và bị công an thu giữ.

- Bùi Ngọc L2 (Mỹ): Được L điện thoại rủ đến đánh bạc, khoảng 17 giờ 30 phút ngày 12/4/2020, Lan mang theo số tiền 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) đến mục đích để đánh bạc nhưng không tham gia đặt cược mà ngồi bên cạnh L2 phụ giúp L kiểm đếm tiền hai bên tài xiu và thu tiền của người thua trả cho người thắng. Khi bị bắt, Lan đã làm rớt mất số tiền 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Nguyễn Thành H: Tham gia đánh bạc từ 17 giờ ngày 12/4/2020 và sử dụng 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, H thắng 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), được tổng cộng là 6.600.000đ (Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) để trong người và bị thu giữ.

- Ngô Văn T: Tham gia đánh bạc từ 11 giờ 30 phút ngày 12/4/2020. Dem theo và sử dụng 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc. T tham gia đánh bạc đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì thua 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) còn lại 4.100.000đ (Bốn triệu một trăm nghìn đồng) thì nghỉ về nhà. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T quay lại sòng bạc nhưng không đặt cược mà cùng L2 phụ giúp L kiểm đếm và chi trả tiền thắng, thua. Khi bị bắt quả tang thu giữ trong người T 4.100.000đ (Bốn triệu một trăm nghìn đồng) là tiền dùng đánh bạc.

- Nguyễn Văn Hoài T1: Tham gia đánh bạc từ 15 giờ ngày 12/4/2020 và sử dụng 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, T1 thua 3.000.000đ (Ba triệu đồng), còn lại 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) đang để trong người và bị thu giữ.

- Nguyễn Thị L1: Tham gia đánh bạc từ lúc 18 giờ ngày 12/4/2020 và sử dụng 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Khi bị bắt đã thua 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng), còn lại 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) đang để trong người và bị thu giữ.

- Võ Thị M: Tham gia đánh bạc từ lúc 12 giờ ngày 12/4/2020 và sử dụng 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày M thua hết tiền nên đi về nhà. Khoảng 18 giờ 20 phút cùng ngày, M tiếp tục đến địa điểm trên tham gia đánh bạc và sử dụng 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Khi bị bắt đã thua hết tiền.

- Mai Thị L4: Tham gia đánh bạc từ lúc 18 giờ 20 phút ngày 12/4/2020 và sử dụng 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) để đánh bạc. Khi bị bắt đã thua 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng), còn lại 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) đang để trong người và bị thu giữ.

Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, khi Bùi Thị Kim L, Trương Văn B, Nguyễn Thành H, Bùi Ngọc L2, Ngô Văn T, Nguyễn Văn Hoài T1, Nguyễn Thị L1, Võ Thị M, Mai Thị L4 và một số đối tượng (chưa rõ lai lịch) tham gia đánh bạc thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B phát hiện bắt quả tang, một số đối tượng (chưa rõ lai lịch) bỏ chạy thoát.

- **Tổng số tiền dùng đánh bạc là 76.150.000đ (Bảy mươi sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) gồm:**

+ 54.700.000đ (Năm mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) là tiền tang vật thu tại chiếu bạc.

+ 21.450.000đ (Hai mươi một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) thu giữ trên người các bị cáo dùng đánh bạc. Trong đó: **Trương Văn B:** 10.000.000đ (Mười triệu đồng); **Nguyễn Thành H:** 6.600.000đ (Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng); **Ngô Văn T:** 4.100.000đ (Bốn triệu một trăm nghìn đồng); **Nguyễn Văn Hoài T1:** 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng); **Nguyễn Thị L1:** 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng); **Mai Thị L4:** 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng).

** **Vật chứng và xử lý vật chứng vụ án:** Cấp sơ thẩm đã xử lý đúng quy định.*

* Tại bản án hình sự sơ thẩm số 618/2020/HS-ST ngày 17/11/2020 của TAND thành phố B:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), xử phạt: bị cáo Bùi Thị Kim L 03 (Ba) năm tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), xử phạt: bị cáo Trương Văn B 03 (Ba) năm tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), xử phạt: bị cáo Ngô Văn T 02 (Hai) năm 02 (Hai) tháng tù; bị cáo Nguyễn Thành H 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tù; bị cáo Nguyễn Văn Hoài T1 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù; bị cáo Võ Thị M 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù và bị cáo **Nguyễn Thị L1 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù.**

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), xử phạt: bị cáo Bùi Ngọc L2 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tù.

Các bị cáo Bùi Thị Kim L, Trương Văn B, Ngô Văn T; Nguyễn Thành H, Nguyễn Văn Hoài T1, Võ Thị M, Bùi Ngọc L2 và Nguyễn Thị L1 đều bị xử phạt về tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Mộng L3 01 (Một) năm tù về tội “Gá bạc”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt đối với bị cáo Mai Thị L4 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23/11/2020, các bị cáo Bùi Thị Kim L, Trương Văn B và Bùi Ngọc L2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo Nguyễn Thành H, Ngô Văn T, Nguyễn Văn Hoài T1, Võ Thị M, Nguyễn Thị Mộng L3 và Nguyễn Thị L1 kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, các bị cáo giữ nguyên kháng cáo, tiếp tục đề nghị HĐXX xem xét kháng cáo của các bị cáo.

- *Quan điểm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:*

Với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, nhận thấy cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị Mộng L3 về tội “Gá bạc” theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và các bị cáo Bùi Thị Kim L, Trương Văn B, Bùi Ngọc L2, Nguyễn Thành H, Ngô Văn T, Nguyễn Văn Hoài T1, Võ Thị M và Nguyễn Thị L1 về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đồng thời xử phạt bị cáo L, bị cáo B mỗi bị cáo 03 (Ba) năm tù; bị cáo T 02 (Hai) năm 02 (Hai) tháng tù; bị cáo H và bị cáo Lan mỗi bị cáo 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tù; bị cáo T1 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù; bị cáo M và bị cáo L1 mỗi bị cáo 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù; bị cáo L3 01 (Một) năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo B cung cấp đơn xin giảm án được địa phương xác nhận bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, quá trình sinh sống tại địa phương chấp hành tốt các quy định pháp luật và nơi cư trú; bị cáo Lan cung cấp đơn thuốc, pH đo điện não, sổ khám bệnh thể hiện bị bệnh rối loạn hỗn hợp hậu trầm cảm đây là các tình tiết mới nên đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Đối với bị cáo L và bị cáo L1 trong thời gian xét

xử phúc thẩm lại tiếp tục phạm tội mới, còn bị cáo M đã bỏ đi khỏi địa phương nhưng không thông báo cho chính quyền địa phương nơi cư trú, thể hiện thái độ xem thường pháp luật, không ăn năn hối cải; các bị cáo H, T, T1 và L3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo nhưng không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới so với cấp sơ thẩm nên đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo L, L1, M, H, T, T1 và L3.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Ngày 17/03/2021, Tòa án mở phiên tòa xét xử phúc thẩm nhưng các bị cáo Nguyễn Thị L1, Bùi Ngọc L2 và Võ Thị M vắng mặt tại phiên tòa không lý do, Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/HSPT-QĐ và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 07/04/2021, niêm yết hợp lệ Quyết định hoãn, giấy triệu tập cho các bị cáo Nguyễn Thị L1 và Võ Thị M nhưng các bị cáo Nguyễn Thị L1 và Võ Thị M vẫn vắng mặt tại phiên tòa xét xử (ngày 07/4/2021). Sau đó, Tòa án nhận được thông tin do Công an phường T cung cấp bị cáo Nguyễn Thị L1 đang bị tạm giữ, tạm giam trong vụ án khác tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Đồng Nai (Quyết định gia hạn tạm giam số 24/QĐ-VKS-VC ngày 04/03/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai). Vì vậy, Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa (số 30/2021/HSPT-QĐ) và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 19/04/2021, tổng đạt hợp lệ cho bị cáo Võ Thị M nhưng bị cáo Võ Thị M vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 thì việc vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo Võ Thị M.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu, cụ thể:

Trong khoảng thời gian từ 11 giờ đến 22 giờ 30 phút ngày 12/4/2020, tại nhà không số của bị cáo Nguyễn Thị Mộng L3 (thuộc tổ 40, khu phố 4, phường T, thành phố B) các bị cáo Trương Văn B, Bùi Thị Kim L đã đánh bạc với các bị

cáo Nguyễn Thành H, Bùi Ngọc L2, Ngô Văn T, Nguyễn Văn Hoài T1, Nguyễn Thị L1, Võ Thị M, Mai Thị L4 và một số đối tượng (chưa rõ lai lịch) thắng thua bằng tiền dưới hình thức “Tài - xỉu”. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là **76.150.000đ** (Bảy mươi sáu triệu một trăm năm mươi ngàn đồng). Trong đó thu trên chiếu bạc là **54.700.000đ** và thu giữ trên người các bị cáo là **21.450.000đ**.

Với hành vi phạm tội nêu trên, bị cáo Bùi Thị Kim L và đồng phạm (trừ bị cáo L3) đã bị cấp sơ thẩm xử phạt về tội “Đánh bạc” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Riêng bị cáo Nguyễn Thị Mộng L3 phạm tội “Gá bạc” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý hành chính, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Trong vụ án này, các bị cáo Bùi Thị Kim L và Trương Văn B là người cầm cái (trong đó, bị cáo L dùng số tiền 40.000.000đ còn bị cáo B sử dụng 14.700.000đ để tham gia “đánh bạc” với các con bạc). Bị cáo L còn là người thuê địa điểm và điện thoại rủ rê các bị cáo khác đến đánh bạc, do đó bị cáo Bùi Thị Kim L phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm tù thỏa đáng, đúng quy định pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng trong quá trình xét xử phúc thẩm được tại ngoại (cắm đi khỏi nơi cư trú) bị cáo tiếp tục phạm tội “đánh bạc” và đã bị tạm giam thể hiện bị cáo không ăn năn hối cải nên không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Trương Văn B cũng là người làm cái (giúp sức cho bị cáo L), bị cáo đã từng bị kết án về tội “Đánh bạc” (phạt tiền) chưa được xóa án tích, nay tiếp tục phạm tội do cố ý thuộc tình tiết tăng nặng “tái phạm” nên cũng cần phạt giam bị cáo để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Trong giai đoạn phúc thẩm, bị cáo cung cấp tình tiết mới đó là Đơn xin giảm án được địa phương xác nhận bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, quá trình sinh sống tại địa phương chấp hành tốt các quy định pháp luật và nơi cư trú. Số tiền bị cáo B sử dụng đánh bạc

cũng ít hơn so với bị cáo L, bị cáo cũng đã có tuổi (sinh năm 1968) nên HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là có cơ sở.

Đối với các bị cáo Nguyễn Thành H, Ngô Văn T, Nguyễn Văn Hoài T1 và Nguyễn Thị L1 tham gia trực tiếp đánh bạc với các bị cáo L, B. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo H, T1, L1 có nhân thân chưa tiền án tiền sự; bị cáo T có ông Ngô Văn Đông (bố) là người có công với cách mạng; bị cáo T1 hiện đang bị bệnh HIV cần được điều trị (theo hồ sơ bệnh án). Bị cáo L1 là nữ, số tiền đánh bạc không lớn (1.100.000đ) nên HĐXX xem xét giảm một phần hình phạt cho các bị cáo H, T, L1 là có cơ sở, đồng thời xem xét áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo T1 để bị cáo có điều kiện điều trị bệnh thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Ngoài ra, trong vụ án này bị cáo Bùi Ngọc L2 không tham gia đánh bạc mà chỉ là người thu tiền, chia tiền thắng thua cho bị cáo L (giúp sức). Trong giai đoạn phúc thẩm, bị cáo Bùi Ngọc L2 đã cung cấp đơn thuốc, pH đo điện não, sổ khám bệnh thể hiện bị bệnh rối loạn hỗn hợp hậu trầm cảm. Xét thấy, bị cáo tham gia với vai trò thứ yếu (không đáng kể) nên HĐXX xem xét áp dụng Điều 35 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) để xử phạt tiền đối với bị cáo là cũng đủ tác dụng răn đe.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Mộng L3 tuy không tham gia đánh bạc nhưng vì hám lợi đã cho mượn nhà để các bị cáo đánh bạc với nhau, số tiền bị cáo thu lợi không lớn (1.100.000đ), bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên HĐXX xem xét không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục là đủ tác dụng răn đe, thể hiện tinh thần nhân đạo của pháp luật đối với người đã biết ăn năn hối cải. Riêng bị cáo Võ Thị M tham gia đánh bạc 02 lần với số tiền không lớn (1.200.000đ) nhưng không chấp hành tốt quy định đối với người bị Tòa án ra Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú, trong quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo đã bỏ đi khỏi địa phương không báo chính quyền. Tòa án đã niêm yết các Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng không xác định được bị cáo ở đâu (có dấu hiệu bỏ trốn) thể hiện bị cáo không ăn năn, xem thường pháp luật do đó kháng cáo của bị cáo M không có căn cứ chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có một phần phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[5] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Do kháng cáo của các bị cáo B, Lan, H, T, L3, L1 và T1 được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Do kháng cáo của các bị cáo Võ Thị M và Bùi Thị Kim L không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, điểm c, đ, e khoản 1 Điều 357, điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Thị Kim L và Võ Thị M; Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trương Văn B, Nguyễn T1 H, Ngô Văn T, Nguyễn Thị Mộng L3, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Văn Hoài T1 và Bùi Ngọc L2, sửa một phần bản án sơ thẩm số 618/2020/HS-ST ngày 17/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B.

[2] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); (Áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo Trương Văn B; Áp dụng thêm Điều 35 đối với bị cáo Nguyễn Văn Hoài T1 và Bùi Ngọc L2):

Xử phạt: bị cáo **Bùi Thị Kim L 03 (Ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 16/02/2021, được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 13/4/2020 đến ngày 21/4/2020.

Xử phạt: bị cáo **Trương Văn B 02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 13/4/2020 đến ngày 21/4/2020.

Xử phạt: bị cáo **Ngô Văn T 01 (một) năm 02 (Hai) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 13/4/2020 đến ngày 21/4/2020.

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Thành H 01 (Một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 13/4/2020 đến ngày 21/4/2020.

Xử phạt: bị cáo **Võ Thị M 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 13/4/2020 đến ngày 21/4/2020.

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Thị L1 08 (Tám) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 07/12/2020, được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 13/4/2020 đến ngày 21/4/2020.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Hoài T1 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng)**.

Xử phạt bị cáo **Bùi Ngọc L2 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng)**.

Các bị cáo đều bị xử phạt về tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Mộng L3 01 (Một) năm tù về tội “Gá bạc”** nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là **02 (hai) năm** tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Mộng L3 cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai quản lý, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về án phí:

- Các bị cáo Trương Văn B, Nguyễn T1 H, Ngô Văn T, Nguyễn Thị Mộng L3, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Văn Hoài T1 và Bùi Ngọc L2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Các bị cáo Bùi Thị Kim L và Võ Thị M mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND thành phố B (2);
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Phòng PV06 CA tỉnh Đồng Nai;
- Trại giam - Bị cáo;
- Lưu HS (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hồng Hương